

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Ngọc Túy;

Ông Đào Trọng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh PHQ; địa chỉ cư trú: Số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị HTT; ĐKKHKT: Số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-6-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh PHQ trình bày:

Anh PHQ và chị HTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện F, thành phố Hải Phòng ngày 02-4-2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Anh PHQ và chị HTT đã sống ly thân nhau từ năm 2008, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo để anh PHQ và chị HTT đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn gia đình ngày một trầm trọng không thể khắc phục. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên anh PHQ đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị HTT theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh PHQ và chị HTT có 02 con chung là H sinh ngày 21-5-2001 và I sinh ngày 18-10-2007. Hiện tại cháu H đang học đại học, cháu I do chị HTT đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh PHQ đề nghị Tòa án giao cháu I cho chị HTT trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh PHQ và chị HTT tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh PHQ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là chị HTT không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã thực hiện các quy trình tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị HTT không có mặt nên không lấy được lời khai của chị HTT. Mặt khác, chị HTT cũng không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc anh PHQ làm đơn ly hôn với chị HTT. Tại Đơn đề nghị ngày 03-11-2019 của cháu I gửi Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thể hiện: Khi Tòa án giải quyết ly hôn cho anh PHQ và chị HTT, cháu có nguyện vọng được ở với chị HTT (có ký xác nhận của anh PHQ và chị HTT). Tại Biên bản xác minh ngày 02-10-2019, Công an phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xác nhận: Chị HTT, sinh năm 1976, có đăng ký HKTT tại số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nhưng đã vắng mặt tại địa phương khoảng 4-5 năm nay. Tại Biên bản xác minh ngày 04-10-2019, Công an xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xác nhận: Chị HTT, sinh năm 1976, hiện đang cư trú tại Thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng từ khoảng 4-5 năm nay nhưng không đăng ký tạm trú tại Công an xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tại Biên bản xác minh ngày 23-10-2019, ông J (Trưởng thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng) xác nhận: Anh PHQ và chị HTT là vợ chồng; trước đây anh PHQ và chị HTT sinh sống tại phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Từ khoảng 4-5 năm nay, chị HTT về sinh sống tại thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng cùng 02 con trai, tuy nhiên, anh PHQ không sinh sống cùng chị HTT và 02 con trai tại địa chỉ này, chỉ thỉnh thoảng về thăm các con. Ông J không nắm rõ nguyên nhân mâu

thuần giữa hai bên nhưng ông J biết việc anh PHQ và chị HTT sống ly thân nhiều năm nay. Tại Biên bản xác minh ngày 23-10-2019, ông K (Tổ trưởng tổ dân phố A phường B, quận C, thành phố Hải Phòng) xác nhận: Anh PHQ và chị HTT là vợ chồng, cùng đăng ký HKTT tại số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Quá trình sinh sống tại địa phương ông K không nắm được giữa anh PHQ và chị HTT có mâu thuẫn hay không. Tuy nhiên, từ vài năm nay, tại địa chỉ số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng chỉ có anh PHQ sinh sống, chị HTT và các con hiện vắng mặt tại địa phương.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh PHQ và chị HTT kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện F, thành phố Hải Phòng, nên hôn nhân giữa anh PHQ và chị HTT là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh PHQ, chị HTT bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh PHQ và chị HTT đã ly thân từ nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh PHQ được ly hôn với chị HTT; về con chung: Cháu H, sinh ngày 21-5-2001 đã đến tuổi trưởng thành, nên không phải cấp dưỡng. Giao cháu I sinh ngày 18-10-2007 cho chị HTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu I trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh PHQ tự thỏa thuận với chị HTT, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Anh PHQ không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Anh PHQ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và xác nhận nơi cư trú thể hiện anh PHQ và chị HTT đều đăng ký HKTT tại số 531, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chị HTT hiện sinh sống tại thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký tạm trú tại địa phương. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn là anh PHQ với bị đơn là chị HTT thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị HTT mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị HTT.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh PHQ kết hôn với chị HTT trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện F, thành phố Hải Phòng ngày 02-4-2001, nên quan hệ hôn nhân giữa anh PHQ với chị HTT là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh PHQ cho rằng quá trình chung sống, giữa anh và chị HTT phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp, hai bên sống ly thân từ nhiều năm nay và không còn quan tâm đến nhau; hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng anh PHQ, chị HTT đoàn tụ nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, anh PHQ làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho anh PHQ được ly hôn với chị HTT theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị HTT đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, các phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa. Qua đó đánh giá rằng, chị HTT không có thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh PHQ và chị HTT không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh PHQ yêu cầu ly hôn với chị HTT là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của anh PHQ: Anh PHQ được ly hôn với chị HTT.

[5] Về con chung: Anh PHQ và chị HTT có 02 con chung là H sinh ngày 21-5-2001 và I sinh ngày 18-10-2007. Cháu H đã đến tuổi trưởng thành nên không phải cấp dưỡng; cháu I hiện nay đang sinh sống cùng chị HTT. Do cháu I có đơn đề nghị được ở cùng với chị HTT (có xác nhận của chị HTT và anh PHQ), do đó giao cháu I cho chị HTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu I trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh PHQ và chị HTT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị HTT và anh PHQ cùng xác nhận nội dung Đơn đề nghị của cháu I về việc cháu I đề nghị được ở với chị HTT nên cần giao cháu I cho chị HTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu I trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh PHQ và chị HTT không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Anh PHQ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh PHQ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh PHQ được ly hôn chị HTT.

2. Về con chung: Giao con chung là I sinh ngày 18-10-2007 cho chị HTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu H sinh ngày 21-5-2001 đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Anh PHQ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị HTT cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh PHQ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh PHQ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị HTT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh PHQ.

3. Về tài sản chung: Anh PHQ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh PHQ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008365, ngày 30-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh PHQ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung